

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2018
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Kim Cương

Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp 3A, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt – Đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 02 tháng 4 năm 2018, chị Trần Thị Thu T trình bày: Chị với anh Huỳnh Minh T kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L.

Trong thời gian sống chung vợ chồng không hạnh phúc, luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị xin ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Huỳnh Đại S sinh ngày 01/01/2011 hiện chị đang nuôi dưỡng; Chị và anh T không có tài sản chung và cũng không có nợ ai. Khi ly hôn chị xin tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ có thông báo cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh T không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo theo quy định của pháp luật nhưng anh T cũng không đến Tòa án nên chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

Tại văn bản ngày 23/5/2018, con chung của chị T và anh T tên Huỳnh Đại S có nguyện vọng ở với chị T khi chị T và anh T ly hôn.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T, xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu T xin ly hôn với anh Huỳnh Minh T là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh T là bị đơn có địa chỉ tại ấp 2, xã H, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Thu T với anh Huỳnh Minh T kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Trần Thị Thu T cho rằng chị và anh Huỳnh Minh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm của chị đối với anh T không còn nữa, do đó chị xin ly hôn với T.

Đối với anh T vắng mặt tại phiên tòa mà cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của chị T và cũng không đến để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ, chứng tỏ rằng anh T không có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy chị T xin ly hôn với anh T là có căn cứ nên cho chị T ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét thấy con chung của chị T và anh T tên Huỳnh Đại S sinh ngày 01/01/2011 có nguyện vọng ở với chị T, đồng thời chị T cũng có nguyện vọng được nuôi con nên tiếp tục giao con cho chị T nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và cũng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Minh T: Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Huỳnh Minh.

2. Con chung: Chị Trần Thị Thu T được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Đại S sinh ngày 01/01/2011, anh Huỳnh Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết chị T và anh T có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. Án phí: Buộc chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002537 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ sang án phí để thi hành, chị T không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- UBND xã H
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Thị Kim Thanh

